

Số: 138 /QĐ-TT-TV-QLGCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Quyết định số 1818/QĐBNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi một số điều có liên quan đến nhiệm vụ và tổ chức thanh tra tại các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-TT-CLT ngày 15/12/2015 của Cục trưởng Cục Trồng trọt về việc công nhận giống cây trồng mới;

Căn cứ đề nghị Công ty Cổ phần Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế tại văn bản ngày 14/10/2025 về việc đề nghị gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Giống cây trồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống lúa HN6.

Mã số lưu hành: CNLH.2025.77;

Tổ chức đăng ký lưu hành: Công ty Cổ phần Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế;

Phạm vi lưu hành: Vụ Xuân, Hè thu và vụ Mùa các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Trung du miền núi phía Bắc;

Thời gian lưu hành: Từ ngày 16/12/2025 đến ngày 15/12/2035;

Thông tin về giống được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được gia hạn Quyết định công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được gia hạn Quyết định công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Trung tâm KKN Giống, SPCT QG;
- VP Cục (để đăng tải lên Website Cục);
- BPMC (trả kết quả cho đơn vị);
- Lưu: VT, QLGCT.(PVT)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thu Hương



Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA HN6
(Kèm theo Quyết định số: **138** /QĐ-TTTV-QLGCT ngày **28** tháng **10** năm 2025
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Tên tổ chức đăng ký công nhận lưu hành: Công ty Cổ phần Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế:

Địa chỉ: Số 128, Nguyễn Phúc Nguyên, phường Kim Long, thành phố Huế.

- Điện thoại: 0234.3522062

Email: giongetvn_hue@vnn.vn

Tác giả: Nguyễn Thế Minh - Công ty Cổ phần Giống cây trồng dịch vụ Nông nghiệp Hà Nam.

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa HN6.

2. Thông tin về giống lúa HN6:

2.1. Đặc tính giống cây trồng:

a) Đặc tính của giống lúa HN6:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
1. Sức sống của mạ	5	Trung bình
2. Độ dài giai đoạn trổ	1-5	Tập trung - Trung bình
3. Độ thuần đồng ruộng	1	Cao
4. Độ thoát cỏ bông	1	Thoát hoàn toàn
5. Độ cứng cây	1	Cứng
6. Độ tàn lá	5	Trung bình
7. Thời gian sinh trưởng	ngày	Vụ Xuân: 121-136 Vụ Hè thu, Mùa: 104
8. Chiều cao cây	cm	95,2-105,2
9. Độ rụng hạt	5	Trung bình
10. Số bông hữu hiệu	Bông/khóm	5,0-5,5
11. Số hạt chắc trên bông	Hạt/bông	147-152
12. Tỷ lệ lép	%	10,3-15,8
13. Khối lượng 1000 hạt	gam	18,2-19,7
14. Năng suất	tạ/ha	- Vụ Xuân: 54,96-58,01 - Vụ Hè thu, Mùa: 58,10
15. Chất lượng gạo		
15.1. Chất lượng xay xát		
- Tỷ lệ gạo lứt	%	80,5
- Tỷ lệ gạo xát	%	69,75
- Tỷ lệ gạo nguyên	%	88,78
- Chiều dài hạt gạo	mm	6,17
- Tỷ lệ dài/rộng hạt gạo		3,31
15.2. Chất lượng gạo		
- Độ bền gel		Trung bình
- Nhiệt độ hóa hồ		Trung bình



- Độ trắng bạc		Hơi bạc
- Hàm lượng amylose	%	12,84
16. Chất lượng cơm		
- Mùi thơm	1,0	Không có mùi đặc trưng
- Độ mềm	4,0	Mềm
- Vị ngon	4,0	Ngon

b) Đặc tính của giống qua kết quả khảo nghiệm kiểm soát:

- Bệnh đạo ôn: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) đối với nguồn bệnh đạo ôn lá đại diện các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung bộ.

- Bệnh bạc lá: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) đối với nguồn bệnh bạc lá đại diện các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. Nhiễm (cấp bệnh 7/9) đối với nguồn bệnh bạc lá đại diện các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ.

- Rầy nâu: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) đối với nguồn bệnh bạc lá đại diện các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. Nhiễm (cấp bệnh 7/9) đối với nguồn bệnh bạc lá đại diện các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ.

2.2. Vật liệu nhân giống: Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2.3. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng.

a) Hướng dẫn bảo quản:

- Hạt giống khi đưa vào bảo quản: Độ ẩm < 12%, hạt khác giống $\leq 3,0\%$, tỷ lệ nảy mầm: $\geq 80\%$, tạp chất < 2,0%. Các chỉ tiêu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giống lúa thuần.

- Hạt giống sau khi được chế biến được đóng bao xác rắn, lượng 40 kg/bao, bảo quản trong điều kiện khô ráo, thoáng, nhiệt độ < 35°C.

b) Hướng dẫn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng: Theo ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì.

- Thời vụ gieo trồng: Thích hợp gieo trồng vụ Xuân, vụ Hè Thu, vụ Mùa.

- Vùng sản xuất: Các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ.

3. Thông tin cảnh báo an toàn:

- Tham khảo đặc tính giống trên bảng thông tin để chăm sóc và quản lý dịch hại hiệu quả.

- Phòng trừ kịp thời các loại sâu bệnh hại chính theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn địa phương.

- Bón phân cân đối, bón theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy trình kỹ thuật canh tác của giống./.